

Công văn

Tiền Giang, ngày 28 tháng 10 năm 2019

V/v: Giải trình KQKD riêng Quý 4/2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

“4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.”

Bảng thể hiện các thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa quý 4 năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018:

CHỈ TIÊU	QUÝ 4/2019	QUÝ 4/2018	CHÊNH LỆCH	
			Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	286.981.010.817	1.365.103.854.363	(1.078.122.843.546)	-78,98%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.577.379.280	11.188.292.683	(8.610.913.403)	-76,96%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	284.403.631.537	1.353.915.561.680	(1.069.511.930.143)	-78,99%
4. Giá vốn hàng bán	307.776.545.585	1.259.378.215.900	(951.601.670.315)	-75,56%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(23.372.914.048)	94.537.345.780	(117.910.259.828)	-124,72%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	3.012.446.115	241.103.212.193	(238.090.766.078)	-98,75%
7. Chi phí tài chính	38.698.053.581	200.558.642.659	(161.860.589.078)	-80,70%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	31.523.707.761	33.706.024.478	(2.182.316.717)	-6,47%
8. Chi phí bán hàng	15.944.252.616	23.947.969.858	(8.003.717.242)	-33,42%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.184.869.145	27.047.760.212	(19.862.891.067)	-73,44%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(82.187.643.275)	84.086.185.244	(166.273.828.519)	-197,74%
11. Thu nhập khác	9.535.972	100.930.899.421	(100.921.363.449)	-99,99%
12. Chi phí khác	1.989.547.750	6.127.766.422	(4.138.218.672)	-67,53%
13. Lợi nhuận khác	(1.980.011.778)	94.803.132.999	(96.783.144.777)	-102,09%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(84.167.655.053)	178.889.318.243	(263.056.973.296)	-147,05%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	4.760.447.910	(4.760.447.910)	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	8.231.497.251	(8.231.497.251)	-100,00%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(84.167.655.053)	165.897.373.082	(250.065.028.135)	-150,73%

Căn cứ các số liệu thể hiện ở bảng trên, Công ty Cổ Phần Hùng Vương (“Công ty”) (mã chứng khoán HVG) xin được giải trình các thay đổi trọng yếu như sau:

1. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 117,9 tỷ đồng, tương đương 124,72% chủ yếu do:
 - Kết quả không tốt của Thuế chống bán phá giá kỳ POR14 mà Bộ Thương mại Hoa Kỳ áp cho Hùng Vương khiến cho sản lượng xuất khẩu của Công ty bị giảm sút,
 - Giá cá nguyên liệu đầu vào giảm mạnh từ mức 34.000 đ/kg (tháng 2/2019) xuống còn 19.000 đ/kg (tháng 9/2019) làm giá xuất khẩu giảm theo, trong khi hàng tồn kho của Công ty giá thành đang ở mức caoHai yếu tố này dẫn đến lãi gộp hoạt động xuất khẩu thủy sản và hoạt động bán thủy sản nội địa giảm lần lượt là 7,8 tỷ đồng và 110 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái
2. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 98,75% (tương ứng 238 tỷ đồng) chủ yếu do quý 4 năm 2018 có khoản lãi 224,7 tỷ đồng từ việc thoái vốn Công ty CP Thúc Ăn Chăn Nuôi Việt Thắng (HOSE: VTF);
3. Chi phí tài chính giảm 161,8 tỷ đồng, tương đương 80,7%, trong đó:
 - Lãi vay giảm 6,47% (tương ứng 2,1 tỷ đồng);
 - Quý 4 năm 2018 có khoản dự phòng đầu tư tài chính là 173 tỷ do báo cáo lỗ của các công ty con và công ty liên kết.
4. Chi phí bán hàng giảm 33,42% (tương ứng 8 tỷ đồng) do sản lượng xuất khẩu giảm.
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 73,44% (tương ứng 19,8 tỷ đồng) chủ yếu do số dự phòng nợ phải thu khó đòi lập trong quý 4 năm 2018 là 14,7 tỷ trong khi quý 4 năm 2019 không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào cần phải lập.
6. Lợi nhuận khác giảm 96,7 tỷ, tương đương 102,09% so với quý 4 năm 2018 do trong quý 4 năm 2018 có khoản lãi 100,8 tỷ từ việc thanh lý các tài sản tại Kho lạnh An Lạc, trong khi năm 2019 không có hoạt động thanh lý tài sản.
7. Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Ảnh hưởng của các yếu tố trên làm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2019 giảm 250 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018.

Trên đây là giải trình cho các thay đổi trọng yếu của số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh riêng quý 4 năm 2019 so với quý 4 năm 2018 của Công ty Cổ Phần Hùng Vương.
Trân trọng.



DƯƠNG NGỌC MINH

Nơi nhận: - Như trên
- Bộ phận tài chính kế toán